

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 8 năm 2024

V/v ly hôn

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lường Thị Q. Sinh năm: 1990. NĐKHKT: Bản Tr C, xã Ch S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: A Quàng Văn T, sinh năm 1991. NĐHKTT: Bản Tr C, xã Ch S, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 6 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lường Thị Q trình bày như sau:

Chị và A Quàng Văn T kết hôn với nhau từ năm 2010, do cả hai cùng tự nguyện không bên nào bị ép buộc có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã

Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận vào ngày 01/01/2010, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, A chị chung sống cũng không được hòa thuận hạnh phúc. Nguyên nhân do A T không tu trí làm ăn, không quan tâm chăm lo cho gia đình. Mặc dù A chị đã được hai bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành. Sau đó A chị đã sống ly thân từ năm 2023. Nay chị xác nhận không còn tình cảm với A T nữa, nên đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với A T.

Về con chung: A chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị Hoàng A, sinh ngày 29/10/2009 và cháu Quàng Thị ThA T, sinh ngày 21/5/2011. Từ khi A chị sống ly thân hai cháu ở cùng A T và ông bà nội. Nay ly hôn nếu các cháu có nguyện vọng ở với bố chị sẽ đồng ý để các cháu ở cùng bố. Nếu các cháu muốn ở cùng chị, chị sẽ nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu A T cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: A chị không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/06/2024, bị đơn A Quàng Văn T trình bày như sau:

Về tình cảm, A T xác nhận A và chị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2010, có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn, A chị sống hạnh phúc đến ngày 20/7/2023 thì xảy ra mâu thuẫn do trước đây A có sử dụng ma túy, từ khi chị Q bỏ đi A cũng đang uống *Methadone*. Nay chị Q có đơn xin ly hôn với A A chưa đồng ý ly hôn vẫn mong muốn chị Q quay về đoàn tụ.

- Về con chung, A chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị Hoàng A, sinh ngày 29/10/2009 và cháu Quàng Thị Th T, sinh ngày 21/5/2011. Từ khi A chị sống ly thân hai cháu ở cùng A và ông bà nội. Nếu phải ly hôn A mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu được nuôi dưỡng A không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

- Về tài sản chung: A không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: A T xác nhận không có nợ chung.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Quàng Thị Hoàng A, sinh ngày 29/10/2009 và cháu Quàng Thị ThA T, sinh ngày 21/5/2011 đều có nguyện vọng ở cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Việc

chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 Điều 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lương Thị Q và A Quàng Văn T. Về con chung, giao hai con chung cho A T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Chị Q A T đều xác nhận không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị Q xác A T đều xác nhận không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lương Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với A Quàng Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu tại: Bản Trại Cầu, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tra chấp xin ly hôn là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lương Thị Q và A Quàng Văn T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010, A chị đã được UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/01/2010. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó A chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn, A chị chung sống cũng không được hạnh phúc. Theo chị Q, mâu thuẫn là do A T không tu trí làm ăn, chời bời không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên đến năm 2023 vợ chồng đã sống ly thân. A T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 20/7/2023 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do trước đây A có sử dụng ma túy, từ khi chị Q bỏ đi A cũng đang uống *Methadon*. Nay chị Q có đơn xin ly hôn A không đồng ý ly hôn, A T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn. Tại phiên tòa, chị Q vẫn cương quyết xin ly hôn với A T Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chung sống cũng không được hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q, cho chị Q được ly hôn với A T.

[2.2] *Về con chung*: Chị Q và A T đều xác nhận A chị có 02 con chung là cháu Quàng Thị Hoàng A, sinh ngày 29/10/2009 và cháu Quàng Thị ThA T, sinh ngày 21/5/2011. Trong thời gian ly thân, cháu Hoàng A và cháu ThA T đều sống cùng A T và ông bà nội. Nội dung này được đại diện ban quản lý bản và A T khẳng định. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q có ý kiến nếu hai cháu có nguyện vọng được ở với bố chị cùng đồng ý để các cháu cho A T nuôi dưỡng. A T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung. Tại phiên tòa xét xử ngày 6/8/2024 chị Q có ý kiến xin được cấp dưỡng nuôi con chung cùng A T cho cả hai cháu mỗi cháu là 1.000.000đ/1 tháng cả hai cháu là 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Q.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị Q A T đều xác nhận không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị Q A T đều xác nhận không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2.5] *Về án phí*: Chị Q phải chịu án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83 và điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lường Thị Q và A Quàng Văn T.
2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Hoàng A, sinh ngày 29/10/2009 và cháu Quàng Thị ThA T, sinh ngày 21/5/2011 cho A Quàng Văn T trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Q nhận cấp dưỡng nuôi con chung cùng A T cho cả hai cháu mỗi cháu là 1.000.000đ/ 1 tháng cả hai cháu là 2.000.000đ/1 tháng thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 8/2024 cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, chị Q được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được quyền cản trở chị Q được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lường Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VNĐ và án phí cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ là 300.000VNĐ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án **số 0002003 ngày 11 tháng 6 năm 2024** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, phải nộp tiếp 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/8/2024).

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Tráng A Tênh

